

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH N

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:08/2024/HNGĐ - ST

Ngày 28/02/2024.

(V/v:ly hôn, tranh chấp nuôi con)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Phiếu, ông Bùi Khắc Thái.

Thư ký phiên toà: ông Bùi Ngọc Tạo - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 281/2023/TLST- HNGĐ, ngày 21 tháng 12 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST - HNGĐ, ngày 19 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1985.

Trú tại: tổ dân phố T, phường H, thị xã D, tỉnh H.

Bị đơn: ông Chử Văn Ng, sinh năm 1973.

Trú tại: thôn L, xã Đ, huyện N, tỉnh N.

Bà X và ông Ng đều vắng mặt, bà X có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 12 năm 2023 và bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X trình bày: Tôi và ông Chử Văn Ng, sinh năm 1973 có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Y, huyện D, tỉnh H (nay là thị xã D, tỉnh H) vào ngày 02/3/2013. Sau khi cưới tôi và ông Ng ở chung với nhau tại thôn L, xã Đ, huyện N, tỉnh N. Tôi và ông Ng đã có với nhau 01 con chung là cháu: Chử Ánh V sinh ngày 27/01/2014. Do mâu thuẫn vợ chồng nên tháng 3/2014 tôi đã bế con về nhà bố mẹ đẻ ở tổ dân phố Trại Quan Nha, phường Hòa Mạc, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó. ông Ng vẫn thi thoảng liên lạc với con cho đến năm 2019. Kể từ tháng 12/2019 thì không rõ vì lý do gì ông Ng bỏ nhà ra đi biệt tích, liên tục từ đó đến nay đã hơn ba năm ông Ng không hề có bất cứ liên lạc nào đối với người thân và gia đình cả hai bên gia đình nhà vợ cũng như gia đình bố mẹ đẻ. Bản thân tôi đã tìm mọi cách để liên lạc, dò hỏi, tìm kiếm nhưng vẫn không biết gì về tin tức của ông Ng. Tôi đi đến và cùng với bố đẻ, em gái ông Ng ở

thôn L, xã Đ, huyện N, tỉnh N, tỉnh N tìm kiếm nhiều lần cũng không thấy và bỏ đẻ, em gái anh Nguyễn cũng khẳng định từ tháng 12/2019 đến nay ông Ng cũng không liên lạc gì với gia đình và họ cũng không có tin tức gì về ông Ng.

Sau khi tôi có đơn yêu cầu gửi Tòa án nhân dân huyện N, đề nghị tuyên bố ông Chủ Văn Ng mất tích và đã được Tòa án nhân dân huyện N chấp nhận đơn yêu cầu, ra quyết định số 04/2023/QĐST- VDS ngày 22/11/2023 tuyên bố ông Chủ Văn Ng mất tích.

Để đảm bảo quyền lợi của tôi, nay tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Chủ Văn Ng.

Về con chung: Tôi và ông Ng đã có với nhau 01 con chung là cháu: Chủ Ánh V sinh ngày 27/01/2014. Kể khi ông Ng bỏ đi biệt tích, tôi đã phải đứng ra một mình nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Do đó khi ly hôn tôi đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chủ Ánh V; không yêu cầu vấn đề cấp dưỡng nuôi con vì ông Ng đã mất tích.

Về tài sản chung, công nợ chung: tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo, tổng đạt trực tiếp hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Chủ Văn Ng vẫn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc bà Nguyễn Thị Thanh X có đơn xin ly hôn giải quyết việc nuôi con chung với ông Chủ Văn Ng là quan hệ ly hôn, tranh chấp nuôi con. Bị đơn ông Chủ Văn Ng có địa chỉ tại thôn L, xã Đ, huyện N, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện N áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Chủ Văn Ng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện D, tỉnh H (nay là thị xã D, tỉnh H) nên hoàn toàn hợp pháp. Sau khi cưới bà X và ông Ng chung sống với nhau tại thôn L, xã Đ, huyện N, tỉnh N. Do mâu thuẫn vợ chồng nên tháng 3/2014 bà X đã bế con về nhà bố mẹ đẻ ở tổ dân phố T, phường H, thị xã D, tỉnh H sinh sống, kể từ đó vợ chồng sống ly thân. Kể từ tháng 12/2019 thì không rõ vì lý do gì ông Ng bỏ nhà ra đi biệt tích, liên tục từ đó đến nay đã hơn bốn năm ông Ng không hề có bất cứ liên lạc nào đối với người thân và gia đình cả hai bên gia đình nhà vợ cũng như gia đình bố mẹ đẻ. Bản thân bà X cùng với bố đẻ, em gái ông Ng đã tìm mọi cách để liên lạc, dò hỏi, tìm

kiểm nhưng vẫn không biết gì về tin tức của ông Ng. Sau khi bà X có đơn yêu cầu gửi Tòa án nhân dân huyện N, đề nghị tuyên bố ông Chử Văn Ng mất tích, Tòa án nhân dân huyện N đã chấp nhận đơn yêu cầu, ra quyết định số 04/2023/QĐST- VDS ngày 22/11/2023 tuyên bố ông Chử Văn Ng mất tích.

Do đó có căn cứ khẳng định mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Chử Văn Ng đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung. Việc bà Nguyễn Thị Thanh X có đơn yêu cầu được ly hôn ông Chử Văn Ng do ông Ng đã bị Tòa án tuyên bố mất tích là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Chử Văn Ng có 01 con chung là cháu: Chử Ánh V sinh ngày 27/01/2014. Kể khi ông Ng bỏ đi biệt tích, bà X đã phải đứng ra một mình nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Do đó khi ly hôn bà X đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chử Ánh V là phù hợp cần chấp nhận; bà X không yêu cầu vấn đề cấp dưỡng nuôi con vì ông Ng đã mất tích nên Tòa không xét.

[4] Về tài sản và công nợ chung: bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Chử Văn Ng đều có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên mối quan hệ này nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: bà Nguyễn Thị Thanh X phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho bà Nguyễn Thị Thanh X được ly hôn ông Chử Văn Ng.

2. Về con chung: giao cháu Chử Ánh V sinh ngày 27/01/2014 cho bà Nguyễn Thị Thanh X tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Chử Ánh V đủ 18 tuổi. Ông Chử Văn Ng không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Nguyễn Thị Thanh X. Ông Chử Văn Ng được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: bà Nguyễn Thị Thanh X phải nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Thanh X đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện N theo biên lai số BLTU/23/0001113, ngày 21/12/2023.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS N;
- UBND xã , thị xã D, tỉnh H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Quốc